

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 19-4-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Xiêm

2. Bà Võ Thị Bé Bảy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Chấm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04a/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Trúc M, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Chị Mai ủy quyền cho ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền đề ngày 18/12/2018.

Ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt đề ngày 16/4/2019.

2. Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Dinh Thị H, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 của nguyên đơn chị Lê Thị Trúc M, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án; ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2016, vợ chồng anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H có đến cơ sở mua bán thức ăn của chị Lê Thị Trúc M để mua thức ăn chăn nuôi heo của chị Mai. Chị M trực tiếp mua bán với anh L. Hai bên hợp đồng, hình thức hợp đồng bằng miệng. Điều khoản thỏa thuận: Hai bên cùng mở sổ giao nhận hàng và ký tên đầy đủ vào sổ. Cách thức thanh toán tiền tương ứng với số lượng heo từng lần bán ra, thời gian bán heo từ 04 – 05 tháng đối với mỗi đàn heo. Giá tiền mỗi bao sẽ được tính theo số hiệu và thời giá nhận hàng. Thời gian đầu phía bên vợ chồng anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H thực hiện việc trả tiền thức ăn chăn nuôi tương đối tốt. Đến ngày 10/3/2017 (AL), hai bên kết thúc hợp đồng do anh L và chị H nhiều lần bán heo nhưng không thanh toán đủ tiền thức ăn cho chị M. Cùng thời gian này, chị H và anh L có ký giấy xác nhận nợ tiền thức ăn chăn nuôi của chị M với số tiền là 142.181.000 đồng.

Qua nhiều lần gặp gỡ, chị M đã đề nghị vợ chồng anh L và chị H trả nợ tiền thức ăn chăn nuôi cho chị M nhưng anh L và chị H cứ hẹn hết lần này đến lần khác mà không thanh toán tiền cho chị M. Vì vậy, vào ngày 11/11/2017, chị M đến nhà gặp anh L và hai bên đã lập “Tờ thỏa thuận mua bán thức ăn” với nội dung anh L thừa nhận số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ chị M là 140.000.000 đồng, do lúc này chị M bớt cho anh L 2.181.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ ngày 10/3/2017 (AL). Việc thỏa thuận trả nợ này có sự chứng kiến của cán bộ Công an xã P1 là ông Nguyễn Văn T và ông T đã ký vào tờ thỏa thuận này. Chị M đã đồng ý cho anh L và chị H trả số tiền nợ thức ăn làm 03 lần như sau: Lần thứ 1: Ngày 11/11/2018 trả 50.000.000 đồng; Lần thứ 2: Ngày 11/11/2019 trả 50.000.000 đồng; Lần thứ 3: Ngày 11/11/2020 trả 40.000.000 đồng. Nhưng từ ngày đó cho đến nay anh L và chị H vẫn không hoàn trả cho chị M số tiền nào như thỏa thuận.

Vì vậy, nay chị Lê Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Trần Thanh L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Dinh Thị H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nên Tòa không ghi nhận được lời trình bày của anh L và chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định pháp luật, cụ thể vắng mặt vào các lần Tòa mời cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền mua bán thức ăn là 140.000.000 đồng. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ hoàn trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 03/12/2018, chị Lê Thị Trúc M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị M số tiền nợ thức ăn chăn nuôi heo là 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 03/12/2018 của Công an xã P1 xác định bị đơn anh Trần Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dinh Thị H có nơi cư trú tại ấp P, xã P1, huyện M nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

[2] Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/4/2019 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp. Đối với bị đơn anh Trần Thanh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dinh Thị H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị H là phù hợp.

[3] Nội dung vụ án: Chị Lê Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 140.000.000 đồng. Anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H vắng mặt vào các lần mời của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến. Xét thấy, tại “Tờ thỏa thuận mua bán thức ăn” đề ngày 11/11/2018 được lập giữa anh Trần Thanh L và chị Lê Thị Trúc M, có sự chứng kiến của Công an viên xã P1 ông Nguyễn Văn T, với nội dung xác định anh L có nợ chị M số tiền thức ăn chăn nuôi là 140.000.000 đồng và các bên thỏa thuận về cách thức trả dần làm 03 lần. Mặc dù, “Tờ thỏa thuận mua bán thức ăn” này không được công chứng chứng thực nhưng anh L, chị H không có ý kiến phản bác chữ ký tại văn bản này không phải của anh L mặc dù Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ cho anh L, chị H yêu cầu anh, chị trình bày ý kiến của mình về việc chị M khởi kiện và tài liệu, chứng cứ chứng minh anh, chị không có nợ số tiền theo yêu cầu khởi kiện của chị M. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 26/02/2019, ông Nguyễn Văn T xác định vào thời điểm ngày 11/11/2018 thì

ông có chứng kiến việc thỏa thuận giữa anh L, chị M về cách thức anh L thanh toán cho chị M số tiền nợ 140.000.000 đồng và ông có ký tên vào “Tờ thỏa thuận mua bán thức ăn” để xác nhận sự việc này. Vì vậy, có cơ sở để xác định anh Trần Thanh L có nợ chị Lê Thị Trúc M số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 140.000.000 đồng nên buộc anh Trần Thanh L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền 140.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với chị Dinh Thị H là vợ hợp pháp của anh Trần Thanh L mặc dù không trực tiếp thực hiện giao dịch mua bán thức ăn với chị Lê Thị Trúc M nhưng chị H biết việc anh L mua thức ăn của chị M để chăn nuôi heo. Xét thấy, mục đích của việc anh L chăn nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc chị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh L hoàn trả cho chị M số tiền 140.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận chị Lê Thị Trúc M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả là: 140.000.000 đồng $\times$ 5% = 7.000.000 đồng.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Trúc M.

Buộc anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ là 140.000.000 đồng.

Ghi nhận chị Lê Thị Trúc M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc anh Trần Thanh L và chị Dinh Thị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.000.000 đồng.

Hoàn trả cho chị Lê Thị Trúc M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000301 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang